

## KẾ HOẠCH

### **Triển khai Chương trình phát triển vật liệu xây dựng không nung đến năm 2020 và lộ trình xóa bỏ lò nung thủ công sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 1469/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 567/QĐ-BXD ngày 28 tháng 4 năm 2010 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt chương trình phát triển vật liệu xây dựng không nung đến năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư 09/2012/TT-BXD ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Bộ Xây dựng quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 09/2013/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020;

Căn cứ Công văn số 1452/BXD-GĐ ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Bộ Xây dựng về việc tăng cường công tác quản lý đối với các lò nung thủ công sản xuất vật liệu xây dựng trên phạm vi toàn quốc;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tỉnh Ninh Thuận tại Tờ trình số 3149/TTr-SXD ngày 04 tháng 11 năm 2016 và Công văn số 564/SXD-KT&VLXD ngày 09 tháng 3 năm 2017,

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Kế hoạch cụ thể như sau:

## **I. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN**

### **1. Mục tiêu chung**

- Phát triển sản xuất và sử dụng vật liệu xây không nung (VLXKN) để thay thế gạch đất sét nung, tiết kiệm đất nông nghiệp, góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, giảm thiểu khí phát thải gây hiệu ứng nhà kính và ô nhiễm môi trường, giảm chi phí xử lý phế thải của các ngành công nghiệp, tiết kiệm nhiên liệu than, đem lại hiệu quả kinh tế chung cho toàn xã hội.

- Đảm bảo các dự án đầu tư sử dụng lò nung theo công nghệ tiên tiến, hiện đại nhằm đáp ứng các yêu cầu về khả năng chịu lực, an toàn vận hành, tiết kiệm tài nguyên và vệ sinh môi trường.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

- Phát triển sản xuất và sử dụng loại VLXKN thay thế gạch đất sét nung đạt tỷ lệ 25% vào năm 2015 và 40% vào năm 2020.

- Sử dụng phế thải công nghiệp (tro xi nhiệt điện, xỉ lò cao,...) để sản xuất vật liệu xây không nung, tiết kiệm đất nông nghiệp và diện tích đất chứa phế thải của địa phương.

- Tiến tới chấm dứt hoạt động hoàn toàn các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công, lò thủ công cải tiến, lò đứng liên tục và lò vòng sử dụng nhiên liệu hóa thạch (than, dầu, khí).

- Ngăn chặn những tiềm ẩn, nguy cơ gây thiệt hại về người trong quá trình khai thác, sử dụng các lò nung thủ công sản xuất vật liệu xây dựng.

## **II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2020**

### **1. Đối với vật liệu xây bằng gạch không nung**

a) Về chủng loại sản phẩm (Theo định hướng phát triển tại Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ)

- Gạch xi măng - cốt liệu: tỷ lệ gạch xi măng - cốt liệu trên tổng số vật liệu xây không nung khoảng 74% vào năm 2015 và 70% vào năm 2020.

- Gạch nhẹ: tỷ lệ gạch nhẹ trên tổng số vật liệu xây không nung khoảng 21% vào năm 2015 và 25% vào năm 2020. Trong đó:

+ Gạch từ bê tông khí chung áp (AAC), gạch bê tông khí không chung áp: tỷ lệ gạch AAC và gạch bê tông khí không chung áp trên tổng số vật liệu xây không nung khoảng 16% vào năm 2015 và 20% vào năm 2020.

+ Gạch từ bê tông bọt: tỷ lệ gạch từ bê tông bọt trên tổng số vật liệu xây không nung khoảng 5% từ năm 2015.

- Gạch khác: Tấm tường thạch cao, tấm 3D, đá chẻ, gạch đá ong, vật liệu xây không nung từ đất đồi và phế thải xây dựng, phế thải công nghiệp, gạch silicat,... đạt tỷ lệ khoảng 5% từ năm 2015 trên tổng số vật liệu xây không nung.

b) Dự kiến sản lượng gạch không nung trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

Căn cứ Quyết định số 09/2013/QĐ-UBND ngày 26/02/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 đã quy hoạch dự kiến sản lượng từ năm 2015 – 2020 như sau:

- Năm 2015: 76.000.000 viên tiêu chuẩn/năm

- Năm 2020: 360.000.000 viên tiêu chuẩn/năm

Đối chiếu các chỉ tiêu chung của toàn quốc và tổng sản lượng quy hoạch trên địa bàn tỉnh, sản lượng sản xuất, sử dụng từng giai đoạn thể hiện qua bảng sau:

Loại vật liệu xây	Giai đoạn			
	Năm 2015		Năm 2020	
	Sản lượng (Tr. Viên)	Tỷ lệ (%)	Sản lượng (Tr. Viên)	Tỷ lệ (%)
Gạch xi măng - cốt liệu	57	75	252	70
Gạch nhẹ	-	-	90	25
Gạch không nung khác	19	25	18	5

Giai đoạn năm 2015, trên địa bàn tỉnh chưa có cơ sở sản xuất và chưa có công trình, dự án sử dụng vật liệu xây chủng loại gạch nhẹ; do đó phấn đấu đến giai đoạn năm 2020 phải đạt theo chỉ tiêu chung của toàn quốc.

c) Về công nghệ và quy mô sản xuất

Phát triển các cơ sở sản xuất vật liệu xây không nung bằng công nghệ tiên tiến với quy mô công suất phù hợp với điều kiện địa phương. Số lượng dây chuyền sản xuất:

Loại vật liệu dây chuyền	Công suất (Tr.viên /năm)	Giai đoạn	
		Năm 2015	Năm 2020
		Số lượng dây chuyền	Số lượng dây chuyền
Gạch xi măng - cốt liệu	1	5-10	10
	<7	5-10	10-15
Gạch nhẹ	<7	-	3-5
Gạch không nung khác	-	1-2	3-5

d) Sử dụng vật liệu xây không nung

- Các công trình xây dựng được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước theo quy định hiện hành bắt buộc phải sử dụng vật liệu xây không nung theo lộ trình sau:

+ Tại khu vực thành phố Phan Rang- Tháp Chàm phải sử dụng 100% vật liệu xây không nung kể từ năm 2013.

+ Tại các khu vực còn lại phải sử dụng tối thiểu 50% vật liệu xây không nung kể từ năm 2013 đến hết năm 2015, từ ngày 01/01/2016 phải sử dụng 100% vật liệu xây không nung.

- Các công trình xây dựng từ 9 tầng trở lên bằng nguồn vốn nhà nước, từ năm 2014 đến năm 2015 phải sử dụng tối thiểu 30% và sau năm 2015 phải sử dụng tối thiểu 50% vật liệu xây không nung loại nhẹ trong tổng số vật liệu xây (tính theo thể tích khối xây).

- Khuyến khích sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng không thuộc nguồn vốn nhà nước, không phân biệt khu vực đô thị,

không phân biệt số tầng, nhưng đối với công trình từ 09 tầng trở lên phải sử dụng vật liệu xây không nung loại nhẹ tối thiểu 50% từ ngày 01/01/2016.

### **2. Đối với vật liệu xây bằng gạch đất sét nung**

- Không tiếp tục đầu tư sản xuất gạch đất sét nung bằng công nghệ lò tuynel.

- Đối với các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung bằng công nghệ lò tuynel hiện có, cần phát huy đầy đủ năng lực sản xuất đã đầu tư. Trên cơ sở đó tiếp tục đầu tư cải tạo lò nung, hệ thống chế biến và hệ thống sân bãi để nâng sản lượng lên từ 1,2 - 1,5 lần so với công suất thiết kế, nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư, giảm giá thành sản phẩm, nhanh chóng đáp ứng nhu cầu của thị trường.

### **3. Đối với lò nung thủ công sản xuất các nhóm vật liệu xây dựng khác**

- Không chấp thuận đầu tư dự án, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng bằng lò nung thủ công.

- Đối với cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng bằng lò nung thủ công hiện có cần tiếp cận các lò nung theo công nghệ tiên tiến, hiện đại để cải tạo nâng cấp dây chuyền, tăng năng suất sản xuất.

## **III. LỘ TRÌNH CHẤM DỨT**

### **1. Với lò thủ công sản xuất gạch đất sét nung**

- Các huyện và thành phố thuộc tỉnh phải thực hiện ngay các biện pháp quản lý sau:

+ Không cấp giấy phép cho các dự án mới.

+ Đối với các dự án đang xây dựng trái phép, không phép phải đình chỉ xây dựng, buộc tháo dỡ.

+ Đối với dự án chưa xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa triển khai đầu tư thì không được tiếp tục đầu tư hoặc cho phép chuyển sang xây dựng dây chuyền sản xuất gạch không nung.

+ Đối với các dự án đã hoàn thành xây dựng thì lên kế hoạch dừng sản xuất (chậm nhất vào tháng 06/2017) hoặc chuyển đổi sang dây chuyền sản xuất gạch không nung.

- Các huyện Bác Ái, Thuận Nam, Thuận Bắc, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm là những địa phương không có lò nung thủ công sản xuất gạch đất sét nung, cần khuyến khích đầu tư các dự án sản xuất VLXKN để đáp ứng nhu cầu xây dựng trên địa bàn.

- Các huyện Ninh Phước, Ninh Hải và Ninh Sơn hiện còn một số lò nung gạch thủ công chậm nhất đến ngày 01/01/2018 phải chấm dứt hoạt động.

2. Với lò nung thủ công sản xuất vật liệu xây dựng (thép xây dựng) trên địa bàn huyện Ninh Hải phải được kiểm tra, đánh giá cụ thể mức độ an toàn chịu lực, an toàn vận hành và vệ sinh môi trường mới được duy trì sử dụng. Nếu đủ điều kiện tồn tại thì được phép hoạt động đến ngày 31/12/2018.

## **IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Nhiệm vụ chủ yếu**

- Tổ chức thực hiện đúng các nội dung lộ trình chấm dứt sản xuất vật liệu xây dựng bằng lò nung thủ công, sản xuất gạch đất sét nung trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch này.

- Các Sở, ngành và địa phương phân công cụ thể cho từng đơn vị phụ trách trực tiếp theo dõi và chỉ đạo thực hiện việc chấm dứt sản xuất vật liệu xây dựng bằng lò nung thủ công, sản xuất gạch đất sét nung trên địa bàn tỉnh theo đúng lộ trình đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Xây dựng bổ sung các cơ chế, chính sách cần thiết phù hợp với pháp luật và thực tiễn; ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở tổ chức thực hiện đồng bộ, thống nhất và có hiệu quả.

- Thống kê đầy đủ, chính xác hiện trạng sản xuất gạch thủ công trên địa bàn từng huyện về số lượng lò, số lượng lao động, trên cơ sở đó triển khai việc xóa bỏ lò gạch thủ công tại các huyện theo lộ trình này.

- Nghiên cứu, lựa chọn các lò gạch có công nghệ mới trong sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất gạch nung đảm bảo các quy định, quy chuẩn hiện hành để tuyên truyền, hướng dẫn áp dụng, triển khai trên địa bàn tỉnh.

### **2. Giải pháp thực hiện**

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội.

- Bổ sung các văn bản hướng dẫn, tạo sự thống nhất trong tổ chức thực hiện, kịp thời giúp đỡ, tháo gỡ khó khăn cho cơ sở.

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiên quyết xử lý triệt để những trường hợp vi phạm theo quy định.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện kế hoạch này.

- Tăng cường phối hợp với các đơn vị tư vấn tổ chức hội thảo giới thiệu các mô hình sản xuất gạch không nung, lò nung sản xuất vật liệu xây dựng theo công nghệ tiên tiến, hiện đại và kinh phí thực hiện các công nghệ này.

- Quản lý chặt chẽ, nghiêm túc việc đưa VLXKN vào các công trình từ khâu lập dự án, thiết kế kỹ thuật, lập dự toán, thẩm định, phê duyệt dự án.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Trách nhiệm Sở Xây dựng:**

a) Xây dựng và công bố đơn giá xây dựng cơ bản của tỉnh, trong đó có đơn giá sử dụng VLXKN trên cơ sở định mức của Bộ Xây dựng, để các chủ đầu tư và đơn vị tư vấn tham khảo, sử dụng vào việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh;

b) Phổ biến chủ trương, chính sách, nội dung phát triển vật liệu xây dựng không nung, định mức, đơn giá xây dựng và tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, quy phạm thiết kế, thi công nghiệm thu đối với các công trình xây dựng sử dụng vật liệu xây dựng không nung;

c) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân lập dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất VLXKN, sản xuất các nhóm vật liệu xây dựng khác để trình duyệt theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng;

d) Chỉ đạo lực lượng Thanh tra Xây dựng trực thuộc Sở phối hợp với UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan, tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, quy định và các chương trình nêu trên; đôn đốc, nhắc nhở, giám sát việc thực hiện, phát hiện và kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm theo quy định. Định kỳ hàng năm rà soát, đánh giá tình hình đầu tư sản xuất và sử dụng VLXKN của các tổ chức, cá nhân; báo cáo Bộ Xây dựng và UBND tỉnh; đề xuất khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích tốt trong việc tham gia thực hiện Chương trình phát triển VLXKN trên địa bàn tỉnh;

đ) Kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được sản xuất thông qua tiếp nhận công bố hợp quy của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

## **2. Trách nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường:**

a) Chủ trì rà soát lại quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khai thác đất sét làm nguyên liệu sản xuất gạch, ngói nung; quy hoạch các nguồn nguyên liệu cung ứng cho việc sản xuất vật liệu xây không nung; tăng cường kiểm tra việc quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên đất sét để sản xuất gạch;

b) Định kỳ kiểm tra, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh, trong đó có tình trạng ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung, đặc biệt là các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công, kịp thời phát hiện vi phạm và xử lý theo quy định;

c) Hướng dẫn tổ chức, cá nhân sử dụng chất thải công nghiệp làm nguyên liệu, nhiên liệu, phụ gia để sản xuất VLXKN đảm bảo quy định về môi trường trong quá trình vận chuyển, lưu trữ và sản xuất;

d) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các ngành, các cấp liên quan rà soát mức phí bảo vệ môi trường đối với lò nung sản xuất vật liệu xây dựng; đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân quyết định nâng mức phí bảo vệ môi trường đối với việc khai thác đất sét làm gạch nung lên mức tối đa.

## **3. Trách nhiệm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

a) Quản lý và hướng dẫn quản lý sử dụng đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, nhất là đất trồng lúa và rau màu theo đúng quy định tại Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và các quy định liên quan khác của pháp luật.

b) Quản lý và nghiêm cấm các hành vi như chia nhỏ vùng có cùng điều kiện cải tạo như nhau đưa vào nhiều công trình cải tạo đồng ruộng riêng lẻ để phù hợp với thẩm quyền phê duyệt chuyển đất từ ngoài vùng ruộng cải tạo vào vùng cải tạo để trang mặt bằng, lợi dụng việc cải tạo đồng ruộng để khai thác đất sét;

c) Phối hợp với các ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tăng cường kiểm tra việc sử dụng đất nông nghiệp để khai thác đất sét làm nguyên liệu sản xuất gạch, ngói nung để kịp thời phát hiện xử lý theo quy định các tổ

chức, cá nhân có hành vi vi phạm Luật Đê điều, Pháp lệnh phòng, chống lụt bão và các trường hợp gây thiệt hại đến sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh;

d) Phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội tư vấn chuyển đổi nghề nghiệp, đào tạo nghề mới cho người lao động đang làm việc tại các lò thủ công sau khi bị xóa bỏ theo Kế hoạch này, đồng thời lồng ghép chương trình này với chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

#### **4. Trách nhiệm Sở Giao thông vận tải:**

Chỉ đạo Thanh tra giao thông phối hợp với Thanh tra Xây dựng, Thanh tra môi trường, Công an, quản lý thị trường, UBND các huyện, thành phố thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý đối với các hành vi vi phạm của các phương tiện vận chuyển gây ô nhiễm môi trường từ các điểm khai thác đất làm gạch, kinh doanh vật liệu xây dựng trong đó có gạch thủ công, gây cản trở giao thông, gây bụi bẩn trên đường phố.

#### **5. Trách nhiệm Sở Công Thương:**

a) Chủ trì phối hợp với các ngành chức năng thực hiện chính sách khuyến công hàng năm vào việc hỗ trợ chuyển đổi công nghệ cho các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung sử dụng công nghệ nung bằng lò thủ công; xem xét chính sách khuyến công hỗ trợ chuyển đổi nâng cấp công nghệ cho lò nung thủ công sản xuất vật liệu xây dựng;

b) Không sử dụng kinh phí khuyến công hàng năm vào việc hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất gạch, ngói đất sét nung, sản xuất vật liệu xây dựng sử dụng công nghệ nung bằng lò thủ công;

c) Chỉ đạo lực lượng Quản lý thị trường kiểm tra xử lý các vi phạm kinh doanh vật liệu xây dựng mà không đăng ký kinh doanh, hoạt động không có giấy phép đầu tư hoặc không đúng nội dung giấy phép đầu tư đã được cấp; kinh doanh, mua bán đất làm gạch trái quy định;

d) Cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng định kỳ hàng năm trước ngày 05 tháng 12 hoặc đột xuất về các hoạt động và chương trình xúc tiến đầu tư liên quan đến sản xuất và sử dụng VLXKN để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

#### **6. Trách nhiệm Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:**

Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan liên quan nơi có lò gạch thủ công, xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho nông dân, trong đó có tư vấn chuyển đổi nghề nghiệp, đào tạo nghề mới cho người lao động đang làm việc tại các lò gạch thủ công sau khi bị xóa bỏ theo Kế hoạch này. Hướng dẫn chính sách hỗ trợ học nghề ở địa phương theo Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” đã được Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt tại Quyết định số 45/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2011.

#### **7. Trách nhiệm Sở Khoa học và Công nghệ:**

a) Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây không nung, ưu tiên sử dụng

các nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương; lĩnh vực sản xuất gạch, ngói bằng đất sét nung theo công nghệ sạch, thân thiện với môi trường;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức các hoạt động về khoa học công nghệ, giới thiệu các công nghệ sản xuất VLXKN tiên tiến, hiện đại đến các nhà đầu tư; hướng dẫn nhà đầu tư lựa chọn dây chuyền, công nghệ đảm bảo về môi trường, phù hợp với quy mô sản xuất, ưu tiên lựa chọn thiết bị, máy móc trong nước đã sản xuất được;

c) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng đặc biệt là VLXKN đổi mới công nghệ, đầu tư công nghệ mới, chuyển giao công nghệ; các dự án ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực VLXKN, chế tạo thiết bị sản xuất VLXKN được hưởng các ưu đãi của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, áp dụng ưu đãi về chuyển giao công nghệ theo Luật Chuyển giao công nghệ. Đồng thời thực hiện có hiệu quả Quyết định số 67/2015/QĐ-UBND ngày 18/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh quy định về chế độ hỗ trợ cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2020;

d) Không sử dụng vốn khoa học hàng năm vào việc hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công.

#### **8. Trách nhiệm Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan nghiên cứu xây dựng các chương trình xúc tiến đầu tư sản xuất vật liệu xây không nung, hoàn chỉnh các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư nhằm khuyến khích phát triển và tạo điều kiện cho các dự án chế tạo thiết bị sản xuất VLXKN; các dự án sản xuất VLXKN;

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên việc cấp giấy chứng nhận đầu tư cho các dự án sản xuất vật liệu xây dựng đảm bảo điều kiện: dự án phù hợp với Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng của tỉnh, có công nghệ tiên tiến, hiện đại, mức tiêu hao nguyên liệu, nhiên liệu thấp, sản phẩm đạt chất lượng cao, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường.

#### **9. Trách nhiệm Sở Tài chính:**

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định phương án hỗ trợ, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối bố trí ngân sách để hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng bằng lò nung thủ công chuyển đổi công nghệ hoặc chấm dứt hoạt động theo lộ trình. Hỗ trợ cho người lao động tại các cơ sở sản xuất gạch thủ công trong thời gian chờ chuyển đổi nghề nghiệp và hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho người lao động tại các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng nhất là các cơ sở sản xuất gạch bằng lò thủ công.

#### **10. Trách nhiệm Cục thuế tỉnh:**

a) Hướng dẫn và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân sản xuất VLXKN; chế tạo thiết bị sản xuất VLXKN chính sách ưu đãi về thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp; ưu đãi đối với các dự án chế tạo thiết bị sản xuất VLXKN nhẹ và sản xuất gạch xi măng - cốt liệu công suất từ 7 triệu



viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên theo điểm 5.1 Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 567/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

b) Chủ trì nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh giải pháp chống thất thu, thất thoát nguồn kinh phí từ thu thuế sản xuất vật liệu xây dựng nhất là việc khai thác đất, sản xuất và sử dụng gạch thủ công trên địa bàn tỉnh.

#### **11. Trách nhiệm Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh:**

a) Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đảm bảo điều kiện về công nghệ, môi trường và quy mô được đầu tư nhà máy sản xuất VLXKN, các nhóm vật liệu xây dựng khác trong các Khu công nghiệp theo quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng của tỉnh đến năm 2020;

b) Cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng định kỳ 06 tháng (trước ngày 15/6), một năm (trước ngày 15/12) hoặc đột xuất về tình hình đầu tư, sản xuất VLXKN, trình độ công nghệ của các doanh nghiệp hoạt động trong các Khu công nghiệp để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **12. Ủy ban nhân dân các huyện (địa bàn còn tồn tại lò nung thủ công):**

a) Thành lập ban chỉ đạo xóa bỏ lò nung thủ công, phân công cụ thể cho từng thành viên trực tiếp theo dõi và chỉ đạo thực hiện Kế hoạch này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Xây dựng);

b) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Chính phủ, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh về lộ trình xóa bỏ lò gạch, ngôi thủ công, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất vật liệu xây không nung trên địa bàn; khuyến khích cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng (thép xây dựng) nâng cấp, cải tiến công nghệ để thay thế lò nung thủ công;

c) Lập phương án triển khai thực hiện việc xóa bỏ các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công trên địa bàn, đề xuất phương án xử lý, giải tỏa lò nung thủ công sản xuất vật liệu xây dựng gây ô nhiễm môi trường. Kiên quyết chỉ đạo, tập trung ngăn chặn, xử lý các tình trạng khai thác, sử dụng đất sét trái phép để sản xuất gạch đất sét nung, cưỡng chế lò nung thủ công theo đúng Kế hoạch này;

d) Không cho phép đầu tư xây mới hoặc tái sản xuất (đối với các cơ sở đã chấm dứt hoạt động) các cơ sở sản xuất gạch, ngôi đất sét nung bằng lò thủ công trên địa bàn. Không được sử dụng các loại đất sét sau để sản xuất gạch, ngôi đất sét nung: Đất sản xuất nông nghiệp, đất trong phạm vi các khu di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh; đất thuộc phạm vi bảo vệ hành lang đường giao thông, đê, kè, cầu, cống, đường sắt, đường điện cao thế, khi cần thiết cải tạo đồng ruộng thì phải thực hiện theo đúng quy định hiện hành;

đ) Chỉ đạo các phòng chuyên môn tăng cường kiểm tra, thanh tra, xử lý đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở; Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về xử lý

vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật khác theo thẩm quyền;

e) Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công chuyển đổi nghề nghiệp theo Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 của Chính phủ.

g) Báo cáo cho Sở Xây dựng định kỳ 06 tháng (trước ngày 15 tháng 6), một năm (trước ngày 15/12) hoặc đột xuất về danh sách các chủ đầu tư và dự án trên địa bàn có sử dụng VLXKN, loại VLXKN, số lượng sử dụng và tỷ lệ sử dụng (%) trên tổng số vật liệu xây của công trình, đặc biệt là các đối tượng bắt buộc sử dụng, để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **13. Trách nhiệm Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Ninh Thuận:**

Xây dựng chương trình, thời lượng cụ thể và đăng tải các nội dung tuyên truyền thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách; pháp luật của Nhà nước về quản lý, đầu tư sản xuất kinh doanh, định hướng sản xuất vật liệu xây dựng, lộ trình chấm dứt hoạt động sản xuất gạch đất sét nung, sản xuất vật liệu xây dựng bằng lò nung thủ công; Khuyến khích sản xuất, ưu tiên sử dụng VLXKN và hạn chế sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ vào Kế hoạch này, các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị, tổ chức liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (thông qua Sở Xây dựng) để xem xét, giải quyết./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch và các Phó CT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành thuộc tỉnh;
- Báo Ninh Thuận;
- Cục Thuế tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- VPUB: KTN, QHXD;
- Lưu VT. (Đạt -XD)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Văn Hậu**

**THÔNG TIN CÁC LÒ NUNG THỦ CÔNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG  
TRÊN ĐỊA BÀN SỞ TỈNH NINH THUẬN**

(Đính kèm văn bản số 564 SXD-KT&VLXD ngày 09/13/2017 của Sở Xây dựng)

STT	Tên chủ hộ/ doanh nghiệp	Địa chỉ	Số lượng lò	Chiều cao lò/ diện tích	Công suất
1	Lê Quốc Hùng	K.P6-thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn	1	7m	80.000 viên/tháng
2	Trương Văn Kim	K.P7-thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn	1	7m	80.000 viên/tháng
3	Trương Văn Sa	K.P7-thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn	1	7m	80.000 viên/tháng
4	Nguyễn Ngọc Tuyên	K.P5-thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn	1	7m	80.000 viên/tháng
5	Lê Văn Chương	Xã Phước Vinh, huyện Ninh Phước	1	4m	500 viên/ngày
6	Công ty TNHH cán sắt thép Thanh Hạnh	Thôn Đá Bắn, xã Hộ Hải, huyện Ninh Hải	3	7m	10 tấn thép/ngày đêm

**BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN CÁC TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ SẢN XUẤT, KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG NUNG VÀ KHÔNG NUNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2012-2016**

(Đính kèm vào bản số 44 /SXĐ-KT&VLXD ngày 09 /3/2017 của Sở Xây Dựng)

STT	Tên cơ sở	Địa điểm Sản xuất	Số lượng lò nung/lò tuynel/nhà máy/mô đá chế	Công suất Thiết kế	Ghi chú
<b>A</b>	<b>VẬT LIỆU XÂY DỰNG NUNG</b>				
<b>I</b>	<b>Gạch đất sét nung</b>				
1	Lê Quốc Hùng	Thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	01	960.000 viên/năm	
2	Trương Văn Kim	Thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	01	960.000 viên/năm	
3	Trương Văn Sa	Thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	01	960.000 viên/năm	
4	Nguyễn Ngọc Tuyên	Thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	01	960.000 viên/năm	
5	Nguyễn Việt Toàn	Xã Phước Vinh, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận	01	180.000 viên/năm	
6	Trương Thị Phúc	Thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	01	960.000 viên/năm	Dừng hoạt động
7	Nguyễn Thị Nở	Xã Phước Vinh, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận	01	960.000 viên/năm	Dừng hoạt động
<b>II</b>	<b>Lò Tuynel</b>				
1:	C.ty TNHH SXTM Quảng Thuận	Xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	01	15.000.000 viên/năm	
2	C.ty TNHH SXTM Hưng Phát Thịnh	Xã Xuân Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận	01	14.500.000 viên/năm	Bắt đầu sản xuất từ 2015 đến nay
3:	C.ty CPXD Ninh Thuận	Xã Bắc Phong, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận	01	50.000.000 viên/năm	
		Xã Phước Ninh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	01	10.000.000 viên/năm	
		Xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	01	25.000.000 viên/năm	
<b>III</b>	<b>Lò nung phôi thép</b>				
	C.ty TNHH cán sắt thép Thanh Hạnh	Xã Hộ Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận	03	3.600 tấn/năm	
<b>B</b>	<b>VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÔNG NUNG</b>				



STT	Tên cơ sở	Địa điểm Sản xuất	Số lượng lò nung/lò tuynel/nhà máy/mô đun đá chế	Công suất Thiết kế	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Gạch xi măng cốt liệu</b>				
1	C.ty CPXD Ninh Thuận	Xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	01	15.000.000 viên/năm	
2	C.ty TNHH XD&TTNT Vạn Gia	Xã Phước Nam, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	01	10.000.000 viên/năm	
3	C.ty TNHH SXTM Quảng Thuận	Xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	01	5.000.000 viên/năm	
4	C.ty TNHH MTV Mỹ Viên	Xã Phước Ninh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	01	10.000.000 viên/năm	Bắt đầu sản xuất từ năm 2016
5	C.ty CPXD Hà Thành Ninh Thuận	Xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận	01	10.000.000 viên/năm	Bắt đầu sản xuất từ năm 2016
6	C.ty Cổ phần Phương Hải	Xã Tri Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận	01	5.000.000 viên/năm	
<b>II</b>	<b>Đá chế Xây dựng</b>				
1	Hộ kinh doanh Võ Ngọc Trọng	Xã Lợi Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận	01	60.000 viên/năm	Dừng khai thác
2	Hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Thanh	Khu vực Tây núi Kền Kền, huyện Thuận Bắc	01	60.000 viên/năm	Dừng khai thác
3	C.ty TNHH Võ Chí Lãnh	Xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	01	60.000 viên/năm	Dừng khai thác
4	C.ty TNHH Quang Lộc	Xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	01	1.404.000 viên/năm	Dừng khai thác
5	C.ty TNHH Thanh Thủy	Xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	01	1.404.000 viên/năm	Dừng khai thác
<b>III</b>	<b>Gạch không nung khác</b>				
1	Doanh nghiệp tư nhân Duy Mạnh	Xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận	01	120.000 viên/năm	
2	Hộ Kinh doanh Hồ Văn Hình	Xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận	01	24.000 viên/năm	
3	Hộ Kinh doanh Nguyễn Ta	Xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận	01	24.000 viên/năm	
<b>IV</b>	<b>Thạch Cao</b>				
1	Xí nghiệp chế biến thạch cao Mỹ Đức	Cụm Công nghiệp Khánh Hải, t.p PR-TC	01	20.000 tấm/năm	
2	Phân phối Thạch cao Vĩnh Tường	Thành phố PR-TC, tỉnh Ninh Thuận	01	80.000 tấm/năm	

